

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỶ NẠI DA

QUYỂN 2

Học Xứ Thứ Nhất: HẠNH BẤT TỊNH (Tiếp Theo)

Lúc đó Tôn-đà-la-nan-đà xuống xe định vào nhà thì Hiền Thủ đã vội xuống lầu ra cửa đón tiếp, niềm nở đưa thương chủ vào nhà mời ngồi rồi hỏi tên thương chủ. Đáp: “Tôi tên Tôn-đà-la-nan-đà”, Hiền Thủ nói: “Hay thay, tên với người thật tương xứng. Nếu cha mẹ chàng không đặt tên này thì em cũng dựa vào dung mạo, oai nghi của chàng mà gọi chàng là Tôn-đà-la-nan-đà”. Thương chủ hỏi lại: “Nàng tên gì?”, đáp: “Em tên Hiền Thủ”. Thương chủ nói: “Hay thay tên thật tương xứng với người. Nếu cha mẹ nàng không đặt tên này thì tôi cũng dựa vào dung nhan của nàng mà gọi nàng là Hiền Thủ. Tôi mạn phép hỏi một đêm cùng nàng phải trả giá bao nhiêu?”. Hiền Thủ nói: “Câu hỏi của chàng, ý sao phàm tục còn lời lại tầm thường như thế!”. Thị nữ liền đáp: “Ngủ qua một đêm phải trả năm trăm tiền vàng”. Tôn-đà-la-nan-đà liền bảo tùy tùng mỗi ngày mang đến đây năm trăm tiền vàng rồi ở lại hoan lạc cùng dâm nữ. Đối với người tham dục khó có sự thỏa mãn hay nhàm chán, tuy đã nhiều ngày đắm chìm trong hoan lạc nhưng Tôn-đà-la-nan-đà vẫn không có tâm từ bỏ. Lúc đó các thương buôn bàn luận: “Thương chủ đi vắng đã lâu, hiện nay ở đâu chúng ta không biết. Chúng ta đã nhận lời ủy thác của lão gia, nay phải đi tìm”. Họ bèn hỏi gia nhân mới biết thương chủ đến nhà dâm nữ, liền cho người đến kêu về. Thấy thương chủ muốn ra về, Hiền Thủ liền nắm áo lại nói rằng: “Chàng biết không, có hai hạng người trên thế gian này có thể hưởng thọ dục lạc: Một là người có dung nhan đẹp đẽ, hai là thiếu niên cường tráng. Nay chàng có đủ hai điều này hãy nên hưởng thọ dục lạc, chừng nào tuổi già tóc bạc hãy đi cầu lợi”. Thương chủ xiêu lòng bảo gia nhân: “Người về trước, ta sẽ về sau”. Gia nhân trở về báo lại, các thương buôn

chờ mãi không thấy thương chủ trở về bèn cùng nhau đến nhà dâm nữ nói với người giữ cửa: “Hãy vào trong báo cho thương chủ biết, các bạn của thương chủ đang chờ ngoài cửa đón thương chủ về”. Lúc đó thương chủ muốn ra về thì lại bị Hiền Thủ níu lại nói rằng: “Chàng khoan đi, các vị ấy đến đây là ý muốn tìm gặp em, em không tiếp họ thì chàng cũng đừng đi”. Do tham dục trói buộc nên Tôn-đà-la-nan-đà bảo gia nhân ra nói: “Các vị cứ về đi, khi nào tôi muốn về tôi sẽ trở về”. Các thương buôn thấy thương chủ khó thể hồi tâm chuyển ý nên cùng nhau bán hàng hóa đã mang theo và mua lại những thứ cần mua rồi lên đường trở về. Kể từ hôm ấy gia nhròn không còn mang tiền tới cho dâm nữ nữa, Hiền Thủ hỏi thị nữ: “Vì sao họ không mang tiền tới nữa?”, Thị nữ nói: “Đoàn thương buôn đã trở về hết rồi”, lại hỏi: “Tiền bạc của Tôn-đà-la-nan-đà cũng mang về hết sao?”, đáp: “Họ mang về hết”. Hiền Thủ nghe nói như vậy nhưng vẫn ở với Tôn-đà-la-nan-đà thêm hai, ba đêm nữa rồi nói: “Tôi không có ruộng đất cũng không có nghề nghiệp buôn bán gì, chỉ nhờ vào đồng tiền của khách chơi mà sống. Chàng phải tính ngày đã ở rồi đưa tiền cho tôi, nếu không có thì mau ra khỏi nhà để tôi đón khách”. Tôn-đà-la-nan-đà nói: “Nàng thật không có chút quyền luyến gì sao?”. Hiền Thủ nói Chàng há không nghe:

*“Kỷ nữ vốn cầu tiền
Không tiền thì từ bỏ
Như cây kia không trái
Chim chóc không đậu chuyền”.*

Tôn-đà-la-nan-đà nói: “Nếu khách đưa tiền thì nàng thuận ý, hết tiền thì nàng từ bỏ hay sao?”. Đáp: Chàng há không nghe:

*“Nếu trời kia mưa xuống
Núi sông đều tưới nhuận
Nam tử đưa tiền của
Kỷ nữ chuyển tình theo”.*

Tôn-đà-la-nan-đà nói: “Quả kỷ nữ là người không thể tin được”, Hiền Thủ nói:

*“Dâm nữ mỗi chiều đến
Xem người như thân mình
Về khuya lòng nhạt dần
Sáng ra vất như cỏ”.*

Tôn-đà-la-nan-đà nói: “Hễ khách có tiền thì nàng tha thiết mặn nồng, hết tiền thì nàng xua đuổi”.

Đáp:

*“Nếu người có tiền của
 Dâm nữ vội yêu thương
 Như bò thích cỏ mềm
 Tiền cạn hết kẻ thương”.*

Tôn-đà-la-nan-đà biết tình kia đã đổi thay nên định ra đi, Hiền Thủ liền suy nghĩ: “Tôn-đà-la-nan-đà dung mạo đoan nghiêm, khó tìm được người như vậy. Nay hãy còn vắng khách, ta nên lưu giữ lại”. Nghĩ rồi liền nín áo lai nói: “Người trong nhà có thể không nói đùa được sao, tôi nói đùa mà chàng cho là thật ư?”. Tôn-đà-la-nan-đà vốn còn say đắm dâm nữ nên liền ở lại không đi nữa. Sau đó có khách đưa năm trăm tiền vàng đến, dâm nữ liền cùng khách hành dâm trước mặt Tôn-đà-la-nan-đà, Tôn-đà-la-nan-đà bèn suy nghĩ: “Khổ thay, dâm nữ thật vô tình, ở trước mặt ta mà vẫn làm như thế”, nghĩ rồi liền từ bỏ ra đi, vì không hiểu rành đường sá nên lạc hướng không biết phải đi đâu. Lúc đó có một Bí-sô khát thực từ trong thành đi ra, Tôn-đà-la-nan-đà liền đi theo sau, Bí-sô về đến chùa đặt bát xuống, lấy đũa lướt nước ra, đập giũ y Tăng-kỳ-chi rồi rửa tay chân, sau đó ngồi thọ thực, thấy Tôn-đà-la-nan-đà đứng trước mặt liền hỏi: “Có thể ăn thức ăn dư này không?”. Tôn-đà-la-nan-đà suy nghĩ: “Nếu ta không ăn, ta sẽ khốn đốn vì đói”, nghĩ rồi liền nói muốn ăn. Bí-sô liền đưa thức ăn dư cho ăn rồi hỏi: “Hiền giả từ đâu đến?”, đáp: “Thánh giả, con tên là Tôn-đà-la-nan-đà, con của thương chủ Nan-đà ở thành Ót-thệ-ny. Con cùng với năm trăm thương buôn và nhiều hàng hóa đến phương khác kinh doanh cầu lợi, khi đến nơi đây con vì mê say tình dục cùng với dâm nữ nên tất cả tiền bạc đều không còn, bây giờ một thân đơn độc chịu nhiều gian khổ”. Bí-sô nói: “Nếu vậy sao không xuất gia?”, Tôn-đà-la-nan-đà suy nghĩ: “Nếu ta trở về nhà ắt sẽ bị chê cười, chỉ còn cách ở đâu yên thân thì ta ở đó”. Nghĩ rồi Tôn-đà-la-nan-đà nói muốn được xuất gia, Bí-sô liền như pháp như luật cho xuất gia thọ cụ giới rồi dạy hành pháp Bí-sô, dạy xong nói rằng: “Này cụ thọ, Nai không nuôi Nai, thành Thất-la-phiệt rất rộng, thầy nên đến đó khát thực tự sống”. Tôn-đà-la-nan-đà vâng lời sáng sớm đắp y mang bát vào thành khát thực, lúc đó dâm nữ hối tiếc vì đã để Tôn-đà-la-nan-đà ra đi bèn bảo thị nữ: “Nếu người gặp Tôn-đà-la-nan-đà thì mời về đây cho ta”. Tôn-đà-la-nan-đà do đường quen lối cũ nên đi một vòng lại đi đến nhà dâm nữ, thị nữ vừa trông thấy liền chạy vào báo, dâm nữ liền bảo mời vào, thị nữ nói: “Tôn-đà-la-nan-đà nay đã xuất gia”, dâm nữ nói: “Dù đã xuất gia cũng vẫn mời vào”. Tôn-đà-la-nan-đà vừa vào trong nhà, dâm nữ liền đấm ngực nói: “Vì sao

chàng lại bỏ em mà đi xuất gia?”, đáp: “Nàng đã bạc tình lại tham tiền của khinh khi tôi, làm sao tôi không vứt bỏ tục lụy cho được?”. Dâm nữ nói: “Thánh giả, dâm nữ vốn nhiều tội lỗi, nay em mới phạm một tội xin Thánh giả dung thứ, thân em và cửa cái này đều thuộc về Thánh giả, xin thánh giả cùng em chung sống vui vẻ như trước”. Đáp: “Nàng là người vô trí, trước kia tôi có tiền đều bị nàng làm cho tiêu tán hết, nay nàng lại muốn làm cho tôi phá giới nữa hay sao?”. Dâm nữ nói: “Dù xúc chạm bên trong, tinh tiết ra ngoài hoặc xúc chạm bên ngoài, bên trong tinh tiết ra thì cũng chưa thành phá giới”. Tôn-đà-la-nan-đà nghe rồi suy nghĩ: “Há chẳng phải Bí-sô lúc đi khát thực cũng đã làm việc ấy, nếu không thì làm sao biết được việc này”. Tôn-đà-la-nan-đà là người tham dục, nghe nói như vậy liền cùng dâm nữ làm việc phi pháp. Sau khi thỏa mãn rồi, dâm nữ đem thức ăn ngon sốt vào đầy bát đưa cho Tôn-đà-la-nan-đà rồi nói: “Thánh giả nếu cần gì thì cứ đến đây”. Tôn-đà-la-nan-đà thọ thực rồi trở về chùa, lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng về pháp lìa tham sân si được tâm và tuệ giải thoát. Tôn-đà-la-nan-đà nghe pháp xong trong lòng sầu muộn, hối hận vì đã làm việc phi pháp, dáng vẻ xấu hổ, hình dung héo rũ như cỏ lau phơi dưới nắng hè. Các Bí-sô hỏi: “Này cụ thọ, thầy bị thân bệnh hay là tâm bệnh?”. Tôn-đà-la-nan-đà hổ thẹn không trả lời, lúc đó có thầy thuốc đi ngang qua, các Bí-sô mời vào xem bệnh cho Tôn-đà-la-nan-đà, thầy thuốc xem bệnh xong liền nói: “Cụ thọ này thân không có bệnh hoạn chi, chỉ là tâm bị thiêu đốt”. Các Bí-sô hỏi: “Tâm bị thiêu đốt chữa như thế nào?”, đáp: “Thánh giả, tôi chỉ chữa được thân bệnh, không chữa được tâm bệnh, các Bí-sô mới chữa được tâm bệnh”. Các Bí-sô hỏi: “Này cụ thọ, thầy không có cha mẹ thân thích, chỉ có chúng tôi là người đồng phạm hạnh, là chỗ quen biết thân thiết với thầy, thầy nên thật giải bày cho chúng tôi được rõ”. Tôn-đà-la-nan-đà liền kể lại sự việc đã xảy ra cho các Bí-sô nghe, các Bí-sô nói: “Ai ngờ hoa mùa xuân lại gặp phải mưa đá, thầy vừa thọ viên cụ thì gẻ lở lại sanh”. Các Bí-sô không vui bỏ đi, đến chỗ Phật đem sự việc này bạch Phật, Phật nói: “Người ngu si này phạm Ba-la-thị-ca”.

Trường hợp Bí-sô đang ngủ:

Lúc đó Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, trong thành có một trưởng giả vừa cưới vợ xong, người vợ liền qua đời, cho đến người vợ thứ bảy đều lần lượt qua đời, cho nên người đương thời gọi ông là người giết vợ, từ đó trở đi ông không thể cưới ai làm vợ được nữa, không ai còn muốn gả con cho ông nữa, thậm chí đàn bà góa cũng

không muốn làm vợ ông. Ông phải một mình lo liệu hết mọi việc trong nhà. Thời gian sau có người bạn đến thăm, sau khi hỏi biết rõ mọi việc người bạn này giới thiệu cho ông một dâm nữ đã bỏ nghề, ông bất mãn nói: “Tôi đâu thể cưới phường dâm nữ”, người bạn nói: “Bà ta bỏ nghề đã lâu rồi, ông đến tìm hiểu thử xem”. Ông trưởng giả nghe lời đến nhà bà dâm nữ, sau khi xả giao vài ba câu, ông hỏi: “Trước kia bà hành hạnh đầu đà nghề không tốt nay đã thay đổi chưa?”, đáp: “Tôi đã bỏ pháp ác ấy từ lâu rồi”. Ông trưởng giả nghe rồi liền đề nghị: “Nếu thật như vậy thì bà hãy cùng tôi chung sống, tôi sẽ cung cấp cho bà cơm áo còn việc nhà sẽ giao phó cho bà lo liệu”. Bà dâm nữ này nghe rồi bằng lòng về chung sống với ông trưởng giả, lo liệu hết mọi việc trong nhà, nhờ cơm áo đầy đủ không bao lâu sau bà trở nên phì nộn. Trước cửa nhà ông trưởng giả có các cô đào hát, họ muốn cùng nhau đến rừng Thệ-đa, bà nói đợi bà đi cùng nhưng trong khi bà đang sửa soạn thì họ bỏ đi trước. Các cô đào này vào trong chùa đi khắp nơi tham quan, đến trước phòng của một Bí-sô không có đóng cửa, thấy Bí-sô này đang ngủ, áo quần xốc xếch, thân hình lộ bày sanh chi khởi lên. Thấy vậy các cô đào này bụm miệng cười rồi đi ra, lúc đó bà dâm nữ vừa đến thấy các cô này vừa đi ra vừa cười bèn quở: “Tại sao lại cười, các cô không biết vào trong chùa cười mắc quả báo súng răng hay sao?”. Các cô đào này lặng thinh bỏ đi, bà dâm nữ thầm nghĩ: “Không biết các cô này vào bên trong chùa thấy gì mà cười như vậy, ta hãy vào trong xem thử”. Khi bà đi đến trước phòng của Bí-sô không có đóng cửa, thấy Bí-sô này đang ngủ áo quần xốc xếch, thân hình lộ bày sanh chi khởi lên. Thấy rồi dâm tình tác động, bà liền ở trên thân Bí-sô làm việc phi pháp, Bí-sô này ngủ say không hay biết. Lúc đó dâm nữ thầm nghĩ: “Dâm nữ chúng ta xưa nay biết sáu mươi bốn cách hành hạnh đầu đà dâm, nay nhờ người xuất gia này biết thêm cách sáu mươi lăm là ngủ say không biết mà vẫn thọ dục lạc”. Sau khi thỏa mãn dục tình rồi, bà đánh thức Bí-sô dậy rồi nói: “Thánh giả, nhà tôi ở tại _____, nếu Thánh giả cần gì thì cứ đến đó”. Bí-sô này đáp: “Bà là người ngu si đã là nhơ nhớp trú xứ của Tăng, nay tôi vô tâm thọ việc xấu xa này, há lặp lại việc này ở nhà của bà hay sao?”. Dâm nữ nghe xong lặng thinh bỏ đi. Lúc đó Bí-sô trong lòng hổ thẹn không biết mình có phạm tội Tha thắng hay không, bèn đem việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi Bí-sô này: “Tâm thầy có thọ lạc không?”, đáp: “Lúc đó con ngủ say nên không có tâm thọ lạc”. Phật nói: “Bí-sô này không phạm do không có tâm thọ lạc, nhưng ta vì các Bí-sô ở gần thôn xóm mà chế pháp _____ hành

này: Nếu Bí-sô ở chùa gần thôn xóm, ban ngày ngủ phải đóng cửa, hoặc bảo Bí-sô trông coi hoặc cột chặt quần dưới, ai không y theo thì hông vừa dính chiếu liền phạm Ác-tác”.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc trong thành có một Bí-sô ở nơi A-lan-nhã tu thiền được bốn tỉnh lự, thường đến đảnh lễ Thế Tôn và các Bí-sô kỳ túc. Bí-sô này mắc bệnh ghẻ lở, Bí-sô quen biết thấy thế liền hỏi sao không tìm thầy thuốc chữa trị, Bí-sô Lan-nhã nói: “Có một sự thật chắc chắn sẽ đến mà người thế gian đều không ưa thích, nhưng không một ai tránh khỏi đó là cái chết. Ghẻ lở này đến trên thân tôi sẽ cùng tôi đi đến cái chết thì cần gì chữa trị”. Bí-sô quen biết nói: “Như Thế Tôn nói người trì giới sống lâu có nhiều phước nghiệp được tăng trưởng, phước nghiệp tăng trưởng thì thọ phước lạc cõi trời lâu dài, cho nên thầy cần tìm thầy thuốc chữa trị”. Bí-sô Lan-nhã nghe lời tìm đến thầy thuốc hỏi phương thuốc trị ghẻ lở, thầy thuốc nói: “Thánh giả, sau bữa ăn trưa lấy dầu mè thoa khắp người rồi ngồi dưới ánh mặt trời sẽ được thuyền giảm”. Bí-sô nói: “Xin ông cho tôi loại dầu đó”, thầy thuốc nói: “Thánh giả, tôi chỉ cho phương thuốc chứ không thể cho thuốc, nếu ai đến hỏi tôi cũng cho thuốc thì tôi ắt sẽ bần cùng. Tuy nhiên có ông trưởng giả ở tại , trước đây cũng mắc bệnh ghẻ lở này, tôi có chỉ ông ấy nấu dầu mè chữa trị, Thánh giả đến đó xin ắt sẽ được”. Bí-sô nói sợ ông ấy không cho, thầy thuốc nói: “Ông ấy chánh tín Tam bảo ắt sẽ cho”. Bí-sô cảm ơn rồi cáo từ tìm đến nhà ông trưởng giả, trưởng giả vừa thấy liền hỏi: “Thánh giả mắc bệnh ghẻ lở sao?”, đáp phải, trưởng giả liền chỉ cách trị giống như thầy thuốc đã chỉ, Bí-sô nói: “Thầy thuốc chỉ tôi đến đây, nếu ông còn dầu đó cho tôi một ít, ông sẽ được phước quả”. Trưởng giả nói: “Nếu Thánh giả trưa nay thọ tôi cúng dường, tôi sẽ dâng dầu mè cho Thánh giả”. Bí-sô nhận lời, trưởng giả thiết bày thức ăn ngon cúng dường rồi lấy bát nhỏ đựng đầy dầu mè đưa cho Bí-sô, Bí-sô thọ và chú nguyện cho trưởng giả rồi cáo từ ra về. Về đến A-lan-nhã, Bí-sô mặc áo xấu rách, thoa dầu khắp người rồi ngồi dưới nắng, do cảm thấy dễ chịu nên ngủ thiếp đi. Lúc đó có loài trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn trong nam căn nên sanh chi khởi lên, thân hình lộ bày, một người nữ mập khỏe đi tìm hốt phân bò gần đó trông thấy dục tình khởi lên, liền ở trên thân của Bí-sô này làm việc phi pháp, Bí-sô thức giấc nhưng sức yếu chống cự không lại, người nữ ấy sau khi thỏa mãn dục vọng rồi nói: “Thánh giả, nhà tôi ở tại , Thánh giả cần gì thì cứ đến đó”. Bí-sô nói: “Bà là người ngu si đã làm nhơ nhớp chốn A-lan-nhã, tôi vô tâm thọ việc xấu xa này, há có thể lặp lại việc này ở nhà

của bà hay sao?”. Người nữ lặng thinh bỏ đi, Bí-sô trong lòng hổ thẹn không biết mình có phạm tội Tha thắng không, bèn đem sự việc này bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật hỏi Bí-sô Lan-nhã: “Thầy có tâm thọ lạc không?”, đáp: “Bạch Thế Tôn, con đã lìa dục nên không có tâm thọ lạc”. Phật bảo các Bí-sô: “Bí-sô này không phạm vì không có tâm dục, nhưng ta vì các Bí-sô ở nơi A-lan-nhã mà chế hành hạnh đầu đà pháp này: Bí-sô ở A-lan-nhã, chung quanh chỗ ở phải làm hàng rào ngăn cách, khi ngủ nên bảo Bí-sô khác trông coi hoặc cột chặt quần dưới, ai không hành theo thì phạm Ác-tác”. Lúc đó các Bí-sô có nghi bạch Phật: “Vì sao Bí-sô Lan-nhã này đã đắc tứ thiền, xa lìa dục nhiễm mà sanh chi còn khởi?”. Phật nói: “Có năm nhơn duyên khiến người chưa lìa dục, sanh chi khởi: Một và hai là khi đại tiểu tiện bức bách, ba là thế lực của gió bức bách, bốn là bị trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn, năm là dục nhiễm hiện tiền. Có bốn nhơn duyên khiến người lìa dục, sanh chi khởi: Một và hai là khi đại tiểu tiện bức bách, ba là thế lực của gió kích thích, bốn là bị trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn. Bí-sô Lan-nhã này bị trùng Ốt-chỉ-trưng-già cắn nên sanh chi khởi chưa không phải do dục nhiễm”. Lúc đó các Bí-sô lại có nghi bạch Phật: “Bí-sô Tô Trạn Na con của Yết-lan-đạc-ca trong lúc trong Tăng chưa phát sanh tội lỗi, chưa có hoen ố, nhơn duyên gì lại là người đầu tiên làm cho hoen ố làm hạnh bất tịnh?”. Phật nói: “Các thầy nên biết, Bí-sô ấy không phải ngày nay mới là người đầu tiên phát sanh tội lỗi, làm cho hoen ố; mà trong thời quá khứ cũng là người đầu tiên phát sanh tội lỗi làm cho hoen ố. Các thầy lắng nghe: Lúc thế giới gần bị hủy hoại có nhiều hữu tình sanh lên cõi trời Quang Âm, diệu sắc ý thành, chi thể viên mãn, các căn không khiếm khuyết, thân có ánh sáng, bay tự tại trong hư không, lấy hỷ lạc làm thức ăn được trường thọ. Thuở đó đại địa là một biển nước, biển nước này do gió kích động hòa hợp thành một loại như sữa nấu chín, khi lạnh thì đông lại, sắc hương mỹ vị đều đầy đủ. Khi thế giới này thành, do phước mạng hết nên loài hữu tình từ cõi trời Quang Âm chết sanh xuống thế giới này làm người, diệu sắc ý thành, các căn đầy đủ, thân có ánh sáng, bay tự tại trong hư không, lấy hỷ lạc làm thức ăn và được trường thọ. Lúc đó trong thế giới này không có mặt trời, mặt trăng và tinh tú, không có thời gian vận hành nên không phân biệt ngày đêm năm tháng và nam nữ, chỉ biết kêu nhau là “Tát đỏa” mà thôi. Lúc đó có một hữu tình tò mò dùng tay nếm thử vị đất liền sanh đấm nhiễm, từ đó đưa đến đoàn thực. Các hữu tình khác lần lượt bắt chước ăn vị đất, do ăn vị đất thân hình nặng dần, ánh sáng nơi thân cũng nhạt dần rồi

mất hẳn, thế giới rơi vào cảnh tối tăm. Khi thế giới tối tăm, bỗng nhiên phát sanh mặt trời, mặt trăng và tinh tú, tự nhiên thời gian vận hành và phân biệt được ngày đêm năm tháng. Các hữu tình tuy ăn vị đất nhưng vẫn được trường thọ, hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng, hữu tình nào ăn nhiều thì không còn nên sanh có đẹp xấu. Do có đẹp xấu nên sanh so sánh phân biệt, người đẹp coi thường người xấu nên pháp ác liền sanh, pháp ác sanh thì vị đất cũng mất. Khi vị đất mất, các hữu tình tụ họp lại một chỗ ưu sầu kêu lên ‘kỳ lạ thay mỹ vị’, tiếng kêu mang đầy sự nuối tiếc. Tuy vị đất mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên bánh đất xuất hiện đầy đủ sắc hương vị, nhờ đó được trường thọ. Hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng... như trên đưa đến pháp ác sanh khiến bánh đất biến mất. Khi bánh đất mất các hữu tình tập họp lại một chỗ kêu lên “Khổ thay”, tiếng kêu mang đầy sự tiếc nuối. Tuy bánh đất mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên có rừng cây xuất hiện đầy đủ sắc hương vị, nhờ đó được trường thọ. Hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng... như trên đưa đến pháp ác sanh khiến rừng cây biến mất. Khi rừng cây biến mất, các hữu tình tập họp lại một chỗ kêu lên “Người đã lừa bỏ tôi”, tiếng kêu mang đầy sự tiếc nuối. Tuy rừng cây mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên lúa diêu hương xuất hiện, không trồng mà tự mọc, sáng chiều liền thu hoạch, thu hoạch xong lúa lại tự sanh, nhờ vậy nên các hữu tình được trường thọ. Vì thức ăn lúc bấy giờ là đoàn thực nên ăn xong sau đó phải thải căn bả ra ngoài, nên hai đường đại tiểu tiện liền liền sanh, do đây phát sanh nam nữ sai khác và đấm nhiễm nhau, do đấm nhiễm nên thân gần làm điều phi pháp. Các hữu tình khác trông thấy liền lấy đá gạch quăng ném quở mắng và đuổi ra ngoài chúng hữu tình. Xưa kia là như vậy nhưng nay thì khác, vào ngày cưới họ dùng hương hoa tung ném chúc mừng nhau. Xưa cho là phi pháp nay thành hợp pháp; xưa chê trách khinh tiện, nay cho là hỉ sự. Thuở đó những hữu tình làm điều phi pháp bị đuổi ra ngoài liền tụ tập nhau lại xây dựng phòng xá, đây là khởi nguyên của xây dựng nhà cửa gọi là gia thất; hữu tình nào không làm pháp ác đó, điều phục được sáu căn thì gọi là Thắng nhơn. Người đầu tiên làm điều phi pháp, làm ô uế hữu tình thuở đó không ai khác, chính là Tô Trần Na. Ở trong giáo pháp ta, trước không có hoen ố, nay sanh hoen ố cũng chính là Tô Trần Na. Vì vậy các Bí-sô phải hàng phục tâm tham nhiễm sân si, chớ có buông lung”.

*Học Xứ Thứ Hai: KHÔNG CHO MÀ LẤY**Trường hợp Đàn-ni-ca:*

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết lan đac ca thành Vương xá, lúc đó có Bí-sô Đàn-ni-ca trước kia là con của ông thợ gốm, đang ở tại một thảo am nơi A-lan-nhã. Khi Đàn-ni-ca vào thành Vương Xá khát thực, đám chăn trâu, chăn dê, kiếm củi đến thảo am của Đàn-ni-ca đập phá và gỡ lấy hết cây gỗ mang đi. Đàn-ni-ca trở về thấy thảo am đã bị đập phá liền tìm lấy cây gỗ làm lại thảo am khác để ở, như vậy đến ba lần đều bị đám người đó đến đập phá. Đàn-ni-ca suy nghĩ: “Sao mà quá khổ, quá cực nhọc như vậy, ta vừa đi khát thực liền bị đám người xấu đến đập phá thảo am của ta đến ba lần. Ta đã học hiểu nghề gốm tinh xảo của cha ông ta, tại sao ta không làm một cái thất bằng đất gạch nung”. Nghĩ rồi Đàn-ni-ca liền tự đào đất, dùng nước không có trùng trộn với đất làm thành bùn nhuyễn bắt đầu xây nền móng trước, sau đó xây tường vách, bên trong lợp trần, bên trên lợp mái, trổ cửa cái và cửa sổ. Đợi bùn khô Đàn-ni-ca-lấy màu sắc tô vẽ rồi dùng củi, cỏ và phân bò nung, sau khi nung xong ngôi nhà có màu sắc đỏ như bông kim tiền. Đàn-ni-ca vui mừng vì thấy ngôi nhà do chính mình xây dựng được thành công tốt đẹp, sau đó Đàn-ni-ca nhờ Bí-sô ở gần trông coi giữ gìn ngôi nhà khi ra ngoài đi du hóa. Lúc đó Thế Tôn muốn đi tuần tra trú xứ nên bảo A-nan-đà: “Thầy đi báo cho các Bí-sô biết Như Lai nay muốn đi tuần tra trú xứ, các Bí-sô nào muốn cùng đi thì nên mang theo y bát”. A-nan-đà vâng lời đi thông báo, các Bí-sô liền mang y bát đi đến chỗ Thế Tôn, Thế Tôn cùng các Bí-sô tuần tự đi đến thất của Đàn-ni-ca, thấy ngôi nhà này được xây bằng đất nung có màu sắc đỏ như bông kim tiền, Thế Tôn liền hỏi là nhà của ai, các Bí-sô bạch Phật: “Đây là nhà của Đàn-ni-ca con ông thợ gốm đã tự xây cất”. Phật bảo các Bí-sô: “Hãy phá bỏ ngôi nhà này vì các ngoại đạo sẽ phỉ báng Như lai rằng: Sa môn Kiều-đáp-ma còn ở đời mà trong chúng Thanh văn đã có người làm pháp hữu lậu như vậy, hưởng chi là diệt độ”. Các Bí-sô vâng lời đập bỏ, đợi ngôi nhà đập bỏ rồi Thế Tôn mới bỏ đi, không bao lâu sau Đàn-ni-ca trở về thấy ngôi nhà bị đập phá liền hỏi Bí-sô ở gần là ai đã đập. Bí-sô nói: “Chính là đức Đại sư bảo các Bí-sô phá bỏ”, Đàn-ni-ca tự nói: “Nếu là pháp chủ Thế Tôn bảo các Bí-sô phá bỏ thì đây là việc làm đúng pháp”. Trong thành Vương Xá có vị Đại thần trông coi cây gỗ là bạn thân quen với Đàn-ni-ca trước kia, lúc đó Đàn-ni-ca chợt nghĩ đến vị Đại thần này, muốn đến chỗ ông ta tìm gỗ để xây lại ngôi nhà. Nghĩ rồi liền đến chỗ Đại thần này nói: “Quan có biết không, vua Vị-

sanh-oán nước Ma-kiệt-đà trước có hứa cho tôi gỗ, nay muốn lấy dùng Quan có thể đưa cho tôi được không?”, đáp: “Thánh giả, nếu Đại vương đã hứa cho thầy gỗ thì tốt rồi, Thánh giả tùy ý lấy”. Thật tế các loại gỗ đã có trong thành đều do vua Vị-sanh-oán coi giữ, được cất giữ chắc chắn để danh tu bỏ những chỗ bị sụp đổ trong thành Vương Xá, phải khó khăn lắm mới dự trữ được số gỗ này nên vua không hứa cho một ai khác. Lúc đó Đản-ni-ca chọn lấy một cây cửa chật rồi chở đi, vị Đại thần canh giữ cửa thành trông thấy liền kinh hoàng suy nghĩ: “Phải chăng nước Ma-kiệt-đà của vua Vị-sanh-oán có oán tặc xâm nhập thành? Cây gỗ này do vua coi giữ không hứa cho ai, tại sao có người lấy cửa chật mang đi?”. Nghĩ rồi ông vội đến chỗ quan trông coi cây gỗ nói điều vừa mình trông thấy và ý nghĩ của mình rồi hỏi: “Quan có đem cây gỗ đó cho ai không?”, đáp: “Tôi không dám đem cây gỗ cho ai, nhưng Bí-sô Đản-ni-ca đến nói với tôi là vua Vị-sanh-oán đã hứa cho gỗ nên nay muốn lấy, tôi nói nếu vua đã hứa cho thì Thánh giả tùy ý lấy, chắc cây gỗ đó là do Bí-sô Đản-ni-ca mang đi”. Đại thần canh giữ thành liền đem sự việc này đến tâu với vua rồi nói: “Xin Đại vương nhớ lại là đã có hứa cho ai gỗ không?”, vua nói: “Trẫm nhớ là chưa bao giờ hứa cho ai gỗ”. Vua liền cho gọi quan trông coi gỗ đến, vị quan này vội vã đến chỗ vua, lúc đó Đản-ni-ca có việc vào thành Vương Xá, quan trông coi gỗ từ xa trông thấy liền đến than phiền rằng: “Thánh giả biết chăng, vì thầy lấy cây gỗ đó mà vua cho gọi tôi”. Đản-ni-ca nói: “Quan đi đến trước tôi sẽ tới sau”. Dù đến trước hay sau cả hai đều phải đứng ngoài cửa chờ, sứ giả vào tâu vua: “Đại vương, quan trông coi gỗ hiện ở ngoài cửa, còn có Bí-sô tuy vua không gọi cũng đến hiện ở ngoài cửa”. Vua bảo: “Quan trông coi gỗ khoan bảo vào, hãy gọi người xuất gia vào trước”. Sứ giả lui ra truyền Bí-sô vào đến trước vua, vua hỏi: “Thánh giả, người khác không cho gỗ có được tự tiện lấy đi không?”, đáp không được, vua nói: “Nếu thế sao thầy dám lấy gỗ của tôi mang đi?”, đáp là vua trước đã cho, vua nói: “Tôi không nhớ là đã cho”. Đản-ni-ca nói: “Lẽ nào vua không nhớ, khi vua mới lên ngôi đứng trước quần chúng, cất tiếng như sư tử nói rằng: Trong nước ta nếu sa môn, Bà-la-môn, người giữ giới tu thiện không trộm cắp thì trong xứ sở ta bất cứ chỗ nào có cỏ cây và nước đều được tùy ý lấy dùng”. Vua nói: “Tôi căn cứ vào vật vô chủ mà nói lời nói đó, còn cây gỗ là vật có người coi giữ, vì sao thầy lại lấy?”. Đản-ni-ca nói: “Vua đã dựa vào vật vô chủ để nói thì việc này đâu có can hệ gì”. Vua nghe xong liền nổi giận, lông mi dựng ngược, trợn mắt nói: “Sa môn đáng chết, nhưng ta không thể giết, thầy

hãy đi ngay, từ nay về sau không được làm như vậy nữa”. Lúc đó mọi người đều xôn xao bàn tán: “Thật kỳ lạ hiếm thấy, vua Vị-sanh-oán nước Ma-kiệt-đà tánh vốn bạo ngược nóng nảy, sa môn tội đáng chết mà vua chỉ quở trách rồi thả đi”. Trở về đến trú xứ Đàn-ni-ca nói với các Bí-sô: “Vừa rồi tôi suýt bị vua Vị-sanh-oán giết”, các Bí-sô hỏi nguyên do, Đàn-ni-ca bèn kể lại sự việc đã xảy ra, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo cụ thọ A-nan-đà: “Thầy đắp y Tăng-kỳ-chi cùng một Bí-sô vào thành Vương Xá đến chỗ đông người tụ tập hoặc Bà-la-môn, cư sĩ, thương chủ, người có lòng tin hay không có lòng tin đều hỏi họ rằng: Lấy cấp vật đáng giá bao nhiêu thì pháp vua xử tội chết”. A-nan-đà vâng lời Phật vào thành hỏi, mọi người đều nói: “Lấy cấp vật đáng giá năm ma sái hoặc hơn năm ma sái thì vua xử tội chết”. Hỏi xong A-nan-đà trở về bạch Phật: “Như lời Phật dạy con vào thành hỏi, mọi người đều nói nếu lấy cấp vật đáng giá năm ma sái hay hơn năm ma sái thì pháp vua sẽ xử tội chết”. Lúc đó Phật do nhân duyên này nhóm các Bí-sô lại, biết mà vẫn hỏi không phải không biết mà hỏi; đúng thời mới hỏi, không đúng thời không hỏi; có Lợi-ích mới hỏi, không Lợi-ích không hỏi, hỏi để phá trừ nghi hoặc, vì Lợi-ích nên hỏi: “Này Đàn-ni-ca con ông thọ gồm, thầy thật đã làm việc không đúng đắn là lấy cây gỗ của vua phải không?”, đáp: “Thật vậy, bạch Thế Tôn”. Phật quở: “Việc thầy đã làm không phải sa môn, không phải hạnh thanh tịnh, không phải hạnh tùy thuận, không phải là điều người xuất gia nên làm”. Phật đủ lời quở trách rồi bảo các Bí-sô: “Ta quán thấy mười điều lợi cho đến điều thứ mười là khiến chánh pháp trụ lâu, nay vì các đệ tử Thanh văn nơi Tỷ-nại-da chế học xứ này như sau: ***“Nếu lại có Bí-sô ở trong tụ lạc hay ở chỗ nhàn tĩnh vắng lặng lấy vật mà người khác không cho với tâm trộm cắp, khi lấy như vậy nếu vua hay đại thần bắt hoặc giết hoặc trói hoặc đuổi ra khỏi nước, mắng rằng: Này sa môn, thầy chính là giặc, ngu si không biết chi nên mới lấy cắp như vậy. Khi lấy cắp như thế thì Bí-sô này phạm Ba-la-thị-ca không cùng ở chung.”***

- Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Đàn-ni-ca và có ai khác giống như vậy.

- Chỗ nhàn tĩnh vắng lặng là ngoài phạm vi tường thành, hàng rào.

- Chữ Tha là chỉ cho Nam, nữ và huỳnh môn.

- Không cho mà lấy là không có người đưa cho, khởi tâm trộm cắp mà lấy.

- Khi lấy cấp như vậy là lấy năm ma sái hay hơn năm ma sái.
 - Chữ vua là dòng Sát-đế-lợi hoặc Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ-đà-la khi thọ nhận ngôi vị được quán đảnh, hoặc người nữ thọ ngôi vị được quán đảnh đều gọi là vua.

- Chữ đại thân là quan phụ tướng của vua, giúp vua trông coi việc nước.

- Chữ bắt là bắt giữ dẫn đến, giết là đoạn mạng sống, trói có ba là gông cùm và xiềng xích, nói đuổi ra khỏi nước là không cho ở trong nước, mắng người chính là giặc, ngu si không biết chi là lời khinh khi nhục mạ,

- Bí-sô là người được tánh Bí-sô, tức là người thọ viên cụ. Sao gọi là viên cụ? tức là bạch tứ yết ma như pháp thành tựu viên mãn, người tấn thọ cụ giới với tâm mong cầu thọ giới, tâm không sân hận, dùng lời nói biểu bạch, ngữ nghiệp hiển bày rõ ràng nên gọi là viên cụ.

- Nói phạm Ba-la-thị-Ca-là tội cực trọng, cực ác, nếu người nào vừa phạm tội này liền chẳng phải là sa môn, chẳng phải Thích ca tử, mất tánh Bí-sô. Trái tánh Niết-bàn, bị đọa lạc sụp ngã, người khác vượt trội lên trên, không thể cứu vớt, như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể sống được.

- Nói không cùng ở chung là người này không được ở chung với các Bí-sô khác, khi Tăng yết ma bố tát, tự tứ, đôn bạch, bạch nhị, bạch tứ hoặc mười hai hạng người Tăng sai, người này không được dự phần.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Tổng Nhiếp Tụng:

*Tự lấy ở trên đất
 Hoặc trên không rơi xuống
 Lụa, xe và dinh điền
 Trốn thuế, loài không chân
 Đàn đồ la, Thế-la
 Tổng cộng là mười việc.*

Biệt Nhiếp Tụng:

*Tự lấy, không cho lấy,
 Tâm trộm vật của người
 Nghĩ là vật có chủ
 Có ba, năm không đồng
 Lại có bốn, bốn khác
 Và hai, năm sai biệt
 Đều thuộc vật quý trọng*

Việc tùy xử nên biết.

- Có ba tướng phạm nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Tự mình lấy, trông chừng cho người lấy và sai bảo người lấy. Sao gọi là tự mình lấy? tức là tự tay lấy cấp hoặc tự dẫn người đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là trông chừng cho người lấy? tức là mình trông chừng cho người lấy hoặc trông chừng cho người dẫn họ đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là sai bảo người lấy? tức là mình sai người đến lấy hoặc sai người dẫn họ đến lấy vật rời khỏi chỗ cũ.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Người khác không cho, thể vật là quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là người khác không cho? Tức là vật của nam, nữ, huỳnh môn chưa được chính họ đưa cho. Sao gọi là thể vật quý trọng? Tức là đủ năm ma sái hay hơn năm ma sái. Sao gọi là vật rời khỏi chỗ cũ? Tức là dời từ chỗ này qua chỗ khác.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: khởi tâm lấy cấp, khởi phương tiện lấy cấp và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là khởi tâm lấy cấp? Tức là khởi tặc tâm, có tặc tâm lấy cấp vật của người khác. Sao gọi là khởi phương tiện lấy cấp? Tức là dùng tay, chân hoặc bày mưu tính kế để lấy cấp.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: vật có sở hữu chủ, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là vật có sở hữu chủ? Tức là vật quý trọng này thuộc sở hữu của nam, nữ hay huỳnh môn.

- Lại có ba duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: khởi tưởng có sở hữu chủ, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ. Sao gọi là khởi tưởng có sở hữu chủ? Tức là Bí-sô tưởng vật này là của người khác hoặc của nam hay nữ... gìn giữ.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: vật sở hữu của người khác, khởi tưởng vật của người khác, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Có tâm lấy cấp, khởi phương tiện lấy cấp, thể vật quý trọng và vật rời khỏi chỗ cũ.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác

không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: Người khác giữ gìn, tưởng là của mình, thể vật quý trọng, nhấc rời khỏi chỗ. Sao gọi là người khác giữ gìn? tức là người có vật quý trọng cất giữ hoặc tự giữ hoặc người hay binh lính canh giữ. Sao gọi là tưởng của mình? tức là người có vật quý trọng cất trong ruộng tử, tưởng là của mình nói đây là vật của mình.

- Lại có bốn duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là: vật có người gìn giữ tưởng không thuộc của mình, hoặc không có người gìn giữ tưởng thuộc của mình, thể vật quý trọng và nhấc rời khỏi chỗ. Sao gọi là có người giữ tưởng không thuộc của mình? như có kẻ cướp cướp phá thành ấp, người giữ làng đoạt lại được gom lại một chỗ để coi giữ mà không nghĩ vật ấy là của mình. Sao gọi là không có người giữ tưởng thuộc của mình? Như có vật quý trọng cất trong ruộng tử không có người coi giữ, tưởng của mình nên lấy.

- Lại có năm duyên nếu Bí-sô đối với vật quý trọng của người khác không cho mà lấy, phạm Ba-la-thị-ca. Đó là không tưởng thuộc của mình, không tưởng thuộc của thân hữu, không tưởng chỉ dùng tạm, khi lấy không nói với người, có tâm lấy cắp.

- Lại có năm duyên Bí-sô không phạm, đó là khởi tưởng thuộc của mình, tưởng của thân hữu, tưởng chỉ dùng tạm, khi lấy nói cho người biết và không có tâm lấy cắp.

